

Bản án số: 02/2019/HSST

Ngày: 17-01-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L - TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thùy Dung

Hiệu trưởng Trường THCS N – thành phố L

2. Bà Mai Thị Ngọc Hân

Cán bộ phường M – thành phố L

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Trung Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố L.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Quốc Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2019, tại Tòa án nhân dân thành phố L xét xử sơ thẩm kín vụ án hình sự thụ lý số 157/2018/TLST-HS ngày 03/12/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2019/QĐXXST-HS ngày 02/01/2019 đối với bị cáo:

Thái Tấn P, sinh năm 1996 tại thành phố L, tỉnh An Giang. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp T, xã H, thành phố L, tỉnh An Giang; Nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: 4/12; Dân tộc: kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: đạo Phật; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Văn T (chết) và bà Thái Thị Cẩm H; Bị cáo chung sống như vợ chồng với Lê Ngọc Q, sinh năm 1987 và có 01 con sinh năm 2018; Tiền án, sự: không; Tiền án: không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 19/10/2018 đến nay và bị cáo có mặt tại phiên tòa.

*** Bị hại: Em Bùi Ngọc T, sinh ngày 10/3/2003. Có mặt**

Địa chỉ: số 938/60, khóm Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

Đại diện hợp pháp của bị hại: Bà Lê Bửu T, sinh năm 1985. Có mặt

Địa chỉ: số 938/60, khóm Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại: Ông Phan Ngọc Minh – Luật sư, cộng tác viên Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh An Giang. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu tháng 4/2017, Thái Tấn P kết bạn với em Bùi Ngọc T, sinh ngày 10/3/2003 qua mạng xã hội facebook. Khoảng 17 giờ ngày 16/4/2017, P rủ T đến quán T3 thuộc phường X, thành phố L hát karaoke cùng với ông Lê Văn T, bà Thái Thị Cẩm H (cha mẹ đẻ P) và Nguyễn Thị N (mẹ kế P). Đến 22 giờ cùng ngày, P chở T về nhà trọ G, phường L, thành phố L và đã quan hệ tình dục với T 01 lần tại phòng trọ số 3 nơi P thuê ở. Đến ngày 18/4/2017, bà Trần Thị B (chủ nhà trọ) khóa cửa phòng số 3, do T không đưa giấy chứng minh nhân dân nên cả hai qua phòng trọ số 4 của ông Lê Văn T thuê, P tiếp tục quan hệ tình dục với T 01 lần. Sau đó, P đưa T về nhà và anh Bùi Văn Nãi biết sự việc trên nên đến Công an phường L tố giác hành vi phạm tội của Thái Tấn P.

Giấy chứng nhận thương tích số 31/CN ngày 26/4/2017 của Bệnh viện sản nhi An Giang đối với Bùi Ngọc T, sinh năm 2003 ghi nhận: Vùng sinh dục không dấu vết trầy xước hay chấn thương bên ngoài; Màng trinh không rách mới; Âm đạo giãn rộng; Soi tươi tinh trùng: không tìm thấy tinh trùng; Siêu âm: chưa ghi nhận bất thường.

Kết luận giám định pháp y về độ tuổi số 3504/C09B ngày 21/8/2018 của Phân viện khoa học hình sự Bộ Công an tại thành phố Hồ Chí Minh, kết luận: tại thời điểm giám định (tháng 8/2018), Bùi Ngọc T có độ tuổi từ 15 năm 03 tháng đến 15 năm 09 tháng.

Cáo trạng số: 158/CT-VKS ngày 23/11/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, truy tố Thái Tấn P về tội “Giao cấu với trẻ em” theo điểm a khoản 2 Điều 115 Bộ luật hình sự năm 1999

Tại phiên tòa sơ thẩm:

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về trách nhiệm hình sự: áp dụng điểm a khoản 2 Điều 115 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017, đề nghị xử phạt bị cáo Thái Tấn P từ 04 năm đến 05 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự được sửa đổi bổ

sung năm 2017; Điều 592 Bộ luật dân sự năm 2015. Bị hại và đại diện gia đình bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại tổn thất tinh thần 10.000.000đ và được bị cáo đồng ý nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

* Bị cáo Thái Tấn P khai nhận: Khoảng tháng 4/2017, Phát có kết bạn em Bùi Ngọc T trên facebook và có gặp nhau khoảng 5 lần. Đến ngày 16/7/2018 và ngày 18/7/2018, P có quan hệ với em T 02 lần tại phòng trọ số 03 và số 04 thuộc nhà trọ G, phường M, thành phố L. Sau đó, T kể lại sự việc trên cho ông Bùi Văn N (cha đẻ T) biết nên ông N đến Công an phường M trình báo và bị cáo đã bị khởi tố điều tra về tội giao cấu với trẻ em. Qua sự việc này, bị cáo xin lỗi bị hại và gia đình bị hại, bị cáo đồng ý bồi thường tổn thất tinh thần theo yêu cầu của bị hại. Đối với phần luận tội của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, khung hình phạt, bị cáo không có ý kiến tranh luận, yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, bị cáo đã ăn năn hối cải về hành vi phạm tội vừa qua.

* Bị hại trình bày: Em học đến lớp 8 thì nghỉ học ở nhà phụ giúp gia đình. Giữa em và bị cáo có quen biết trên facebook và có hẹn hò như bị cáo trình bày. Khoảng 22 giờ ngày 16/4/2017, sau khi karaoke với gia đình bị cáo, vì sợ gia đình la rầy nên bị hại đồng ý theo bị cáo về nhà trọ G. Tại phòng trọ số 03, bị cáo yêu cầu quan hệ tình dục thì được em T đồng ý. Đến ngày 18/4/2017, tại phòng trọ số 04 bị cáo tiếp tục quan hệ tình dục với em T 01 lần, sau đó bị cáo đưa T về nhà và T đã kể lại sự việc trên cho ông Bùi Văn N biết và trình báo Công an. Bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường tổn thất tinh thần 10.000.000đ và yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện gia đình bị hại bà Lê Bửu T (mẹ đẻ T): Bà và ông Bùi Văn N đã ly hôn, bà đi làm xa và các con chung do ông N chăm sóc, nuôi dưỡng, T là con lớn trong gia đình. Khi xảy ra sự việc nêu trên, ông N có gọi điện báo nên bà đã bỏ việc làm về lo cho con. Qua sự việc này, bà yêu cầu bị cáo bồi thường tổn thất tinh thần cháu T 10.000.000đ và yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, vì gia đình bà cũng có phần lỗi khi không quan tâm con cái.

* Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại trình bày quan điểm: Thống nhất với nội dung Cáo trạng và bản luận tội của Viện kiểm sát về tội danh và khung hình phạt. Hậu quả là bị hại bị xâm hại khi còn rất nhỏ, độ tuổi này cần được sự quan tâm, chăm sóc của gia đình và xã hội. Bị cáo Phát đã trưởng thành, thừa khả năng biết em T còn trong độ tuổi trẻ em, hiện tại cũng vậy và biết giao cấu với trẻ em là vi phạm pháp luật nhưng không kiềm chế được dục vọng nên đã thực hiện hành vi phạm tội và phải trả giá cho hành vi này. Trong vụ án này, ngoài phần lỗi của bị cáo còn có phần lỗi của gia đình bị hại trong việc giáo dục, quản lý con cái nên đã xảy ra sự việc này. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đối với phần yêu cầu bồi thường tổn thất tinh thần của bị hại và gia đình bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra; Viện kiểm sát, Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, không kêu oan, không khiêu nại.

[2] Về thủ tục tố tụng

Quá trình điều tra, ông Bùi Văn N (cha đẻ T) tham gia với tư cách là đại diện gia đình bị hại. Tại phiên tòa, ông N vắng mặt nhưng có bà Lê Bửu T (mẹ đẻ T) tham gia phiên tòa, đại diện gia đình bị hại là phù hợp với quy định tại Điều 62 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

[3] Về áp dụng pháp luật

Vụ án Thái Tấn P được điều tra, khởi tố theo Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án, Bộ luật hình sự 2015 có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2018 và Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 được áp dụng.

Viện kiểm sát nhân dân thành phố L truy tố bị cáo Thái Tấn P theo điểm a khoản 2 Điều 115 Bộ luật hình sự 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 quy định “Tội giao cấu với trẻ em” thuộc trường hợp phạm tội nhiều lần, có khung hình phạt từ 03 năm đến 10 năm. Hội đồng xét xử đối chiếu Điều 145 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định “Tội giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi” không có lợi cho bị cáo nên việc truy tố của Viện kiểm sát là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 7 Bộ luật hình sự 2015 và điểm b khoản 2 Nghị quyết số 41 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật hình sự 2015.

[4] Về trách nhiệm hình sự

Từ ngày 16/4/2017 đến ngày 18/4/2017, bị cáo Thái Tấn P đã 02 lần thực hiện hành vi giao cấu với em Bùi Ngọc T (sinh ngày 10/3/2003) khi T còn trong độ tuổi trẻ em theo Kết luận giám định pháp y về độ tuổi số 3504/C09B ngày 21/8/2018 của Phân viện khoa học hình sự Bộ Công an tại thành phố Hồ Chí Minh về độ tuổi của bị hại. Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng, phù hợp Giấy chứng nhận thương tích số 31/CN ngày 26/4/2017 của Bệnh viện sản nhi An Giang ghi nhận tình trạng thương tích của bị hại Bùi Ngọc T; Biên bản khám nghiệm hiện trường và bản ảnh hiện trường

ngày 10/10/2018 cùng các chứng cứ khác được thu thập trong quá trình điều tra vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị xử phạt bị cáo Thái Tấn P từ 04 năm đến 05 năm tù. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, khung hình phạt là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận. Như vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành “Tội giao cấu với trẻ em”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 115 Bộ luật hình sự 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

[5] Về tính chất mức độ của hành vi phạm tội

Trẻ em có vai trò quan trọng đối với gia đình và xã hội, là nơi gửi gắm những ước mơ, niềm tin và sự hãnh diện của cha mẹ. Vì vậy, những quy định bằng pháp luật để bảo vệ trẻ em; nhân dân cũng tự hình thành các quan hệ đạo đức nhằm bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em.

Bị cáo là người thành niên, khoẻ mạnh, nhận thức được hành vi của bản thân. Bị cáo biết rõ em T còn trong độ tuổi trẻ nên đã lợi dụng sự chưa chín chắn trong nhận thức về tình yêu, tình dục, sự quản lý không nghiêm khắc của gia đình, đã cố ý thực hiện hành vi giao cấu với em T nhiều lần, mặc dù em T tự nguyện, không bị cưỡng ép nhưng vì để thỏa mãn dục vọng bản năng, bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến quyền về nhân thân cũng như quyền trẻ em được pháp luật bảo vệ. Hành vi phạm tội của bị cáo là rất nghiêm trọng, làm ảnh hưởng đến sức khỏe và sự phát triển bình thường về thể chất, tinh thần của bị hại, tạo dư luận xấu tại địa phương, ảnh hưởng đến danh dự, nhân phẩm của bị hại và gia đình người bị hại. Do đó, cần xử phạt nghiêm, cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội để giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân biết tôn trọng pháp luật, đồng thời răn đe phòng ngừa chung.

Trong vụ án này, cần giáo dục vai trò, trách nhiệm của gia đình bị hại ông Bùi Văn N, bà Lê Bửu T (cha mẹ đẻ của em T) trong việc quản lý giáo dục con cái. Ông N, bà T thiếu quan tâm, chia sẻ, giáo dục giới tính cho con, để em T đi qua đêm với người khác giới và bị xâm hại tình dục nhiều lần khi T đang học lớp 8, độ tuổi cần sự quan tâm, chăm sóc của gia đình, điều này đã ảnh hưởng đến thể chất, tinh thần cũng như sức khỏe sinh sản của em T sau này.

[6] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự

Bị cáo đã thực hiện hành vi giao cấu với em Bùi Ngọc T 02 lần vào ngày 16/4/2017 và ngày 18/4/2017 tại nhà trọ G. Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp phạm tội nhiều lần được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 115 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009

[7] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51

Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 thuộc trường hợp thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị hại và gia đình bị hại yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Các yêu cầu này là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận.

[8] Về trách nhiệm dân sự

Bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường tổn thất tinh thần 10.000.000đ và được bị cáo đồng ý bồi thường nên Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện này.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo phải nộp 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Thái Tấn P phạm tội “Giao cấu với trẻ em”.

Căn cứ vào: điểm a khoản 2 Điều 115 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 7; Điều 38; Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Điều 592 Bộ luật dân sự năm 2015;

Điểm b khoản 2 Nghị quyết số 41 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật hình sự 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và án phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Xử phạt: **Bị cáo Thái Tấn P** **04 (bốn) năm tù**

Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án

[2] Về trách nhiệm dân sự

Bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại về tổn thất tinh thần cho bị hại Bùi Ngọc T 10.000.000đ (mười triệu đồng). Bà Lê Bửu T được đại diện nhận số tiền này.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu bên phải thi hành án chưa thanh toán số tiền nêu trên thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền

còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo phải nộp 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo:

Bị cáo, bị hại, đại diện gia đình bị hại; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

(Đã giải thích Điều 26 Luật thi hành án dân sự)

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- VKS;
- Chi cục T.H.A;
- Nhà Tạm Giữ CA;
- Sở tư pháp tỉnh An Giang;
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ + VP.

Nguyễn Quốc Nam